PRESENT CONTINUOUS TENSE

Exercise 1: Viết đang đúng của động từ trong ngoặc ở thì hiện tại tiếp diễn.

1. I _____ (listen) to music.

2. She _____ (watch) a movie.

3. I _____ (speak) English now.

4. He _____ (not jump) on the bed.

5. They _____ (run) really fast.

6. I _____ (not study) English at school.

7. He _____ (sing) a song.

8. We _____ (play) computer games.

9. I _____ (not drink) juice.

10. The students _____ (not sleep) in class.

Exercise 2: Viết đang đúng của động từ trong ngoặc ở thì hiện tại tiếp diễn ở dạng câu hỏi. Viết câu trả lời cho từng câu.

11. _____ (eat/she) a sandwich. Yes, _____.

12. _____ (walk/you) to school. No, I _____.

13. _____ (talk/he) on the phone. No, _____.

14. _____ (dance/they) to music. Yes, they _____.

15. _____ (kick/you) the ball. No, we _____.

LIVEWORKSHEETS